

# MỘT VÀI VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Ở KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

○ TS. ĐÀO THỊ NGỌC MINH\* - ThS. THÂN VĂN QUÂN\*\*

Cùng với việc đổi mới nội dung, chương trình học, đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) là một trong những yếu tố quyết định trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả quá trình đào tạo ở trường Đại học sư phạm Hà Nội hiện nay.

Trong những năm qua, hoạt động đổi mới PPDH ở Khoa Giáo dục chính trị (GDCT) - Trường ĐHSP Hà Nội đã góp phần vào sự nghiệp đào tạo đội ngũ giáo viên môn *Giáo dục công dân* cho các trường phổ thông, giảng viên (GV) môn *Kinh tế chính trị* và *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp dạy nghề trong cả nước. Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tiễn, việc vận dụng các PPDH ở Khoa, Bộ môn vẫn còn bất cập, cần được cải thiện và khắc phục. Trong quá trình dạy học hiện nay, với đặc thù của môn học, GV thường tập trung vào vận dụng các PPDH sau đây:

1. **Phương pháp diễn giảng.** Đây là PP được sử dụng rộng rãi nhất (chưa có PP nào thay thế được) trong giảng dạy các môn học ở Khoa. Với PP này, GV thường sử dụng *PP thuyết trình* để trình bày trọn vẹn bài giảng (GV giảng, SV nghe, ghi chép, tiếp nhận một cách thụ động). Điểm mạnh của PP là một GV dạy, nhiều SV nghe, tiết kiệm được thời gian và sức lực của GV; kích thích hứng thú học tập của SV, đưa họ vào thế giới khoa học, hình thành PP tư duy khoa học thông qua việc nêu và giải quyết vấn đề, cách đặt câu hỏi của GV; SV nhận thức dễ dàng nhờ bài giảng xây dựng theo một hệ thống logic, chặt chẽ, phân biệt được cái cơ bản, cái chủ yếu với cái thứ yếu.

Qua thực tiễn giảng dạy và nghiên cứu, để vận dụng PP diễn giảng tốt và có bài giảng vững vàng, hấp dẫn cần có những yếu tố sau: bài giảng phải phù hợp với trình độ, đặc điểm tâm - sinh lý của SV và kiến thức của GV. Thông thường, mỗi GV có thể mạnh khác nhau như: nghiên cứu sâu một vài học thuyết, chuyên đề trong hệ thống bài giảng. Vì vậy, về mặt quản lý, cần bố trí đúng thầy, đúng bài. Về phía GV, trước khi giảng bài

(dù giỏi đến đâu) cần phải đọc lại bài giảng, những tác phẩm kinh điển, các chuyên đề chuyên sâu, bổ sung, cập nhật những quan điểm mới, những tư liệu và số liệu mới nhất, lựa chọn thông tin cần thiết để trình bày. Chỉ những bài giảng như vậy mới có sức thuyết phục cao, gây hứng thú và đáp ứng được những nhu cầu mà SV mong đợi, hướng SV tới mục tiêu mà bài giảng đề ra. Những GV làm chủ được PP này thường có tính tự tin cao, nắm vững nội dung, thời gian của bài giảng, vững vàng, chính xác, bản lĩnh khi giải quyết những vướng mắc trong lí luận và thực tiễn mà SV đặt ra.

PP diễn giảng tốt còn thể hiện ở chỗ GV biết kết hợp nhuần nhuyễn các phương tiện dạy học khác như: dùng máy chiếu, đèn chiếu, minh họa bằng số liệu, biểu đồ... để huy động nhiều giác quan vào quá trình nhận thức của SV, làm cho SV hiểu kĩ, hiểu đúng, nhớ lâu, nhớ chính xác và có khả năng vận dụng kiến thức vào quá trình nghiên cứu của bản thân cũng như giải quyết những vấn đề trong thực tiễn; GV biết gợi mở, đánh thức tư duy khoa học độc lập trong học tập, trong nghiên cứu của SV. GV có thể «*lật ngược*» vấn đề, đặt ra những câu hỏi cho SV trong khi đang giảng bài (hoặc cuối buổi giảng) để SV có thể tự mình giải đáp hoặc thảo luận, tranh luận với bạn học. Trong những năm qua, với PP diễn giảng, nhiều GV, nhiều bài giảng đã chinh phục được SV bởi sự hấp dẫn, lôi cuốn của nội dung; những thông tin mới, khách quan và chính xác đã gợi mở cho SV những vấn đề mới cần nghiên cứu, học tập.

Tuy nhiên, việc vận dụng PP diễn giảng ở Khoa và Bộ môn còn bộc lộ những hạn chế như: giảng bài theo lối đọc thoại là chính (đọc - chép, nhìn - chép); nội dung của bài giảng ít thay đổi, không cập nhật kịp thời các thông tin mới; một số GV chưa có PP diễn giảng tốt, cách trình bày bài

\* Trường Đại học sư phạm Hà Nội

\*\* Học viện chính trị - Bộ Quốc phòng

giảng thiếu logic làm cho bài giảng rắc rối, ngôn ngữ thiếu khoa học hay không tự tin khi giảng bài tạo tâm lý thiếu tin tưởng ở SV; GV không làm chủ được bài giảng, không làm chủ được quỹ thời gian nên bị «cháy giáo án». Quy trình giảng dạy hiện nay ở Khoa đã quá lỗi thời, vẫn là, GV soạn giáo án, đề cương bài giảng và thuyết trình (đọc chậm, có giải thích, mở rộng); SV ghi chép, về học thuộc (có thể tham khảo giáo trình, tài liệu chút ít); cuối môn học, GV dạy hệ thống hoá, hướng dẫn ôn tập (trọng tâm, trọng điểm) và SV hoàn thành môn học bằng một bài thi trong giới hạn nội dung ôn tập.

2. Kiểm tra, đánh giá tri thức khoa học của SV là PP có nhiều ý nghĩa, tạo mối thông tin ngược để giúp cho GV, cho Khoa điều chỉnh cách dạy, cách học và cũng là PP kiểm soát quá trình học tập của SV. Điểm số của kiểm tra là phương tiện để kích thích sự hứng thú, sáng tạo trong học tập cũng như tính chuyên cần, nghiêm túc của cả quá trình học tập của SV. Bài thi có thể được tiến hành sau khi kết thúc từng học phần bằng hình thức viết hoặc vấn đáp.

Đánh giá các bài thi bằng điểm số theo nguyên tắc khách quan, công bằng, công khai có ý nghĩa thúc đẩy tính tích cực của SV, tinh thần thi đua học tập của cá nhân và tập thể. Trong thực tế, vận dụng PP kiểm tra, đánh giá kết quả còn bộc lộ một số nhược điểm: các câu hỏi ôn tập hết môn thường quá ít và chưa bao quát hết chương trình (hạn chế tính tư duy tổng hợp của SV); khi chấm bài, giữa các GV cũng có sự «rộng - hẹp» khác nhau nên có những đánh giá khác nhau; chưa chú trọng đánh giá cả quá trình học tập của SV (thường hay nhấn mạnh vào bài thi kết thúc môn học...). Những nhược điểm đó phần nào cũng ảnh hưởng đến việc đánh giá kết quả học tập của SV.

3. Trước yêu cầu của thực tiễn sư phạm, đổi mới, hoàn thiện PPDH ở khoa GDCT (trường ĐHSP Hà Nội), theo chúng tôi, cần chú ý một số biện pháp sau:

1) *Đối với Khoa.* Hàng năm, cần: - *Mở lớp tập huấn về PPDH* nhằm nâng cao kỹ năng vận dụng các PPDH cho đội ngũ GV trong khoa; - *Cải tiến quy trình dạy*, chuyển trọng tâm hoạt động dạy học từ người dạy sang người học, tích cực hoá, chủ động hoá, năng động hoá người học, giảm thời lượng giảng lý thuyết, tăng thời lượng seminar, thực hành (tỉ lệ 1/2-1/2), khắc phục tình trạng áp đặt kiến thức của GV và thụ động tiếp nhận, học thuộc của SV; - *Đổi mới*

*phong cách giảng dạy*, phá bỏ sự ngăn cách giữa GV và SV, kiên quyết đổi mới theo hướng «*dân chủ hoá khoa học*» các bài giảng, được thực hiện dưới nhiều hình thức linh hoạt, thích hợp và sáng tạo với ý thức phát huy cao độ tính chủ động, say mê tìm hiểu, tiếp thu thông tin, kiến thức của SV. Chẳng hạn, thay đọc thoại, diễn giảng bằng cách nêu vấn đề, hướng tư duy và yêu cầu SV nêu quan điểm, nhận thức, hướng giải quyết của mình; GV bình luận, kiểm tra kiến thức của SV, đồng thời gợi mở những vấn đề SV có thể tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu; - *Cần hiện đại hoá phương tiện dạy học* mới phát huy được hiệu quả của từng PPDH trên lớp; - *Thực hiện chặt chẽ quy chế kiểm tra và cho điểm* chính xác để GV nắm được thực chất kiến thức của SV, bảo đảm tính trung thực và công bằng, khuyến khích những người học chăm, học giỏi.

2) *Đối với GV các bộ môn.* Giảng dạy là một trong những khâu quan trọng của quy trình đào tạo chuyên ban, đóng vai trò «*gợi mở*», «*định hướng*» cho SV nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn. Phương hướng đổi mới là: - PPDH cho chuyên ban phải hướng vào việc phát huy tính chủ động, tích cực của người học, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, giảm thời gian giảng bài lý thuyết, dành thời gian thích đáng cho khâu tự học, tự nghiên cứu; khuyến khích người học, độc lập suy nghĩ, mạnh dạn nêu ý kiến để trao đổi thảo luận giữa thầy và trò, và giữa trò với trò. Chỉ có vậy, những kiến thức mà GV truyền đạt qua các bài giảng, trong giáo trình mới được nhận thức sâu sắc để làm giàu thêm tri thức, và trở thành tri thức, niềm tin của SV; - Tăng cường việc định hướng trong nghiên cứu, gợi mở các vấn đề thực tế, các tình huống, các phương án... để SV suy nghĩ, lựa chọn và tìm cách giải quyết. Các phương hướng này được cụ thể hoá vào các khâu giảng bài, giới thiệu chuyên đề, giới thiệu các tác phẩm kinh điển; thảo luận seminar, nghiên cứu thực tế, kiểm tra, thi đánh giá kết quả học tập nghiên cứu.

3) *Đổi mới cách thức giới thiệu các tác phẩm kinh điển, các bài giảng chuyên đề chuyên sâu.* *Đối với các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin* cần: - *Lựa chọn, sắp xếp lại* những tác phẩm tiêu biểu nhất, gắn với nội dung môn học chuyên ngành nhất, để tạo lập cơ sở lý luận và PP luận cho các chuyên ban; - *Nghiên cứu các tác phẩm kinh điển* cần được thực hiện nghiêm túc qua các công đoạn: giới thiệu tác phẩm, SV  
(Xem tiếp trang 50)

luyện cho SV 4 kĩ năng và yêu cầu cần đạt được đối với các kĩ năng như sau:

**Nghe (Listening):** SV nghe hiểu được phần lớn nội dung thông tin, dữ kiện; phân biệt được đúng sai; nghe được thông tin cần thiết; thuộc nội dung của ngôn bản với vốn từ vựng được tái tạo từ ngữ liệu đã học. GV phải có bước chuẩn bị cho SV trước khi nghe, trong khi nghe cần có những câu hỏi gợi mở để định hướng, sau khi nghe có bài tập mở rộng như: thảo luận xung quanh vấn đề nghe được, đóng vai thực hành lại những đoạn hội thoại (speaking), bình luận bằng những bài viết (writing),...

**Nói (Speaking):** SV phải diễn đạt được các nhu cầu giao tiếp về các lĩnh vực thuộc đời sống hàng ngày, giao tiếp xã hội, thuật lại một sự việc, miêu tả,... từ đơn giản đến phức tạp. Để người đối thoại hiểu được mình chính xác, SV phải sử dụng đúng từ, ngữ pháp,... với nhiều «chiến lược» giao tiếp thích hợp với hoàn cảnh và chủ đề. GV cần lưu ý sửa cách phát âm (pronunciation), lỗi sử dụng thì (tenses), lỗi cấu trúc câu (structures)...

**Đọc (Reading):** Có thể hiểu được phần lớn thông tin, dữ kiện của các văn bản đến hiểu đầy đủ các ý chính, ý phụ dưới nhiều dạng văn bản khác nhau,... GV phải hướng dẫn SV cách đọc, từ đọc lướt lấy thông tin nhanh đến đọc tìm chi tiết..., các cấu trúc ngữ pháp phức tạp, đoán ý qua ngữ cảnh... GV lấy thông tin phản hồi từ SV như cho SV viết tóm tắt (writing), hoặc thảo luận (speaking),...

**Viết (Writing):** Có thể viết để đáp ứng các nhu cầu giao tiếp thiết yếu về các vấn đề cá nhân, xã hội; ghi chép, mô tả sự kiện, sự việc, miêu tả, tường thuật,... GV hướng dẫn SV sử dụng những cấu trúc, hình thái, cú pháp từ đơn giản đến phức tạp; lưu ý tư duy bằng tiếng Anh và diễn đạt theo cách của người bản xứ, tránh lối dịch Việt hóa, dịch từng từ.

Như vậy, dạy tiếng Anh không phải là dạy đơn lẻ một kĩ năng nào mà là dạy kết hợp các kĩ năng. Người QL cần chú ý đặc trưng này của bộ môn để đánh giá việc giảng dạy của GV được chính xác, khách quan.

**QL chương trình giảng dạy của GV:** Để QL việc GV dạy đúng theo khung chương trình quy định, đảm bảo thời lượng cho từng phân môn, khối lớp, cán bộ QL cần nắm được: + Kế hoạch giảng dạy học phần của từng GV. Kế hoạch này phải được thông qua tổ bộ môn trao

đổi và đóng góp ý kiến; + Tiến độ thực hiện chương trình. Thông qua thời khoá biểu, sổ theo dõi giảng dạy và học tập, dự giờ, thăm lớp,... để kịp thời xử lí những trường hợp xảy ra ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình giảng dạy. Đảm bảo cả thời gian thực hiện chương trình dạy học và nội dung chương trình; + Các báo cáo về theo dõi thi đua của GV, soạn giảng,... Các loại hồ sơ sổ sách liên quan đến hoạt động chuyên môn của GV.

Trong khuôn khổ bài viết, tác giả chỉ đề cập một vài khía cạnh trong QL giảng dạy bộ môn tiếng Anh, để QL tốt việc giảng dạy ở tổ bộ môn, thiết nghĩ cần nhiều yếu tố khác nữa. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. Chương trình chi tiết các môn học/học phần tiếng Anh. Hà Nội, 1999.
2. Đặng Quốc Bảo. **Khoa học tổ chức và quản lí.** NXB Thống kê, H. 1999.
3. Nguyễn Phúc Châu. **Tập bài giảng về quản lí giáo dục.** Trường Cán bộ quản lí giáo dục và đào tạo. Hà Nội, 2005.
4. Hoàng Cơ Chinh. “Cải tiến quản lí quá trình dạy học nhằm thực hiện đổi mới phương pháp dạy học”. Tạp chí *Nghiên cứu giáo dục*, 2000.
5. Bùi Hiền. **Phương pháp hiện đại dạy học ngoại ngữ.** NXB Đại học quốc gia, H. 1999.

## Một vài vấn đề...

(Tiếp theo trang 23)

tự nghiên cứu, thảo luận và viết thu hoạch (coi trọng phần rút ra ý nghĩa của tác phẩm). Đối với các chuyên đề chuyên sâu (chỉ chiếm tỉ trọng nhỏ - 05 tín chỉ), nhưng lại có ý nghĩa quan trọng (cung cấp cho SV những kiến thức chuyên ngành, chuyên sâu mới và cung cấp PP, phương hướng giải quyết một vấn đề thực tiễn nào đó) nên cần được lựa chọn thích hợp với từng chuyên ban và sử dụng PPDH tích cực hiện nay. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Đặng Thành Hưng. **Dạy học hiện đại.** NXB Đại học quốc gia, H. 2002.
2. Phan Trọng Ngọ. **Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường.** NXB Đại học sư phạm, H. 2005.
3. Lê Đức Ngọc. **Giáo dục đại học - Phương pháp và dạy học.** NXB Đại học quốc gia, H. 2005.
4. Phạm Việt Vương. **Giáo dục học**, tập 1, 2. NXB Đại học quốc gia, H. 2005.